

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu, mã chứng khoán SBL xin giải trình về việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng năm 2018 thay đổi từ 10% trở lên so báo cáo cùng kỳ năm trước và chênh lệch lợi nhuận báo cáo tài chính quý 2 và báo cáo bán niên đã soát xét như sau:

1. Lợi nhuận 6 tháng năm 2018 so 6 tháng năm 2017 cao hơn 40% nguyên nhân chính là do: sản lượng tiêu thụ 6 tháng năm 2018 cao hơn 6 tháng năm 2017: 1.462.939 lít, giảm chi phí bán hàng do năm 2018 công ty không trực tiếp làm công tác thị trường, giảm định mức nguyên liệu do thay đổi thiết bị, giảm một số chi phí cố định trong sản xuất và lãi chênh lệch tỷ giá.

2. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2018 chênh lệch giữa báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo soát xét bán niên giảm quá 5% nguyên nhân do công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tiền hỗ trợ sau đầu tư.

Trân trọng.

Nơi gửi:

- Như trên

- Lưu



TRỊNH CÔNG VINH



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 6003000028 ngày 22 tháng 12 năm 2006

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 6003000028 ngày 13 tháng 7 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Hội đồng Quản trị	Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên
	Ông Phạm Hồng Minh	Thành viên
	Ông Trần Nguyễn Trung	Thành viên

Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Tấn Phiên	Trưởng ban
	Bà Dương Thị Thúy Hồng	Thành viên
	Bà Trần Thị Ngọc Diệp	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Trịnh Công Vinh	Giám đốc
	Ông Trần Văn Sang	Phó Giám đốc
	Ông Huỳnh Vạn Đông	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký	Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha Phường 8, Thành phố Bạc Liêu Tỉnh Bạc Liêu Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Phạm Thị Hồng Hạnh
Chủ tịch

Thay mặt Ban Giám đốc

Trịnh Công Vinh
Giám đốc

Bạc Liêu, ngày 10 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm và giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 20 tháng 3 năm 2018 và báo cáo soát xét ngày 10 tháng 8 năm 2017.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-01-300-HY



Hà Vũ Định

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		69.050.343.414	117.722.991.416
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	7.414.372.789	42.021.763.845
Tiền	111		414.372.789	421.763.845
Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	41.600.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.502.337.841	40.108.699.288
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	18.823.653.580	21.276.794.660
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.215.999.410	17.936.015.156
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.542.855.851	895.889.472
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(3.080.171.000)	-
Hàng tồn kho	140	9	37.735.302.698	34.257.289.187
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.398.330.086	1.335.239.096
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.398.330.086	1.335.239.096
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		334.607.688.054	185.609.722.830
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	5.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		5.000.000	5.000.000
Tài sản cố định	220		324.030.048.960	171.856.194.567
Tài sản cố định hữu hình	221	10	323.849.775.024	171.680.906.592
Nguyên giá	222		521.897.035.207	355.378.653.786
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(198.047.260.183)	(183.697.747.194)
Tài sản cố định vô hình	227	11	180.273.936	175.287.975
Nguyên giá	228		336.516.165	313.633.827
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(156.242.229)	(138.345.852)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.167.523.891	4.663.206.325
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.167.523.891	4.663.206.325
Tài sản dài hạn khác	260		7.405.115.203	9.085.321.938
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	7.405.115.203	9.085.321.938
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		403.658.031.468	303.332.714.246

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		196.537.278.499	102.936.734.725
Nợ ngắn hạn	310		133.134.783.948	102.936.734.725
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	35.913.258.488	8.735.222.214
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.715.000.000	2.715.000.000
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	24.673.876.737	43.962.622.286
Phải trả người lao động	314		3.493.816.184	5.155.936.346
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.967.831.494	484.239.146
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		18.333.328	180.969.693
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	474.957.787	12.210.072.100
Vay ngắn hạn	320	18(a)	60.847.893.588	28.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	3.029.816.342	1.492.672.940
Nợ dài hạn	330		63.402.494.551	-
Vay dài hạn	338	18(b)	63.402.494.551	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		207.120.752.969	200.395.979.521
Vốn chủ sở hữu	410	20	207.120.752.969	200.395.979.521
Vốn cổ phần	411	21	120.120.000.000	120.120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.120.000.000	120.120.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	27.919.729.439	27.919.729.439
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59.081.023.530	52.356.250.082
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		38.048.981.506	22.547.724.142
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		21.032.042.024	29.808.525.940
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		403.658.031.468	303.332.714.246

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:



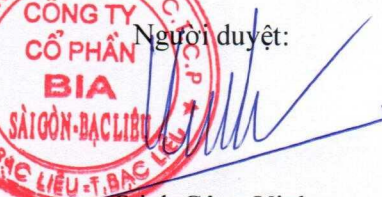
Trần Thị Thảo
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	150.191.794.985	139.691.797.929
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	114.405.348.390	114.302.041.300
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		35.786.446.595	25.389.756.629
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.445.691.724	191.549.731
Chi phí tài chính	22	28	1.968.458.913	423.529.110
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		687.164.383	423.488.246
Chi phí bán hàng	25		416.275.190	2.477.127.967
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	10.865.628.535	4.578.564.217
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		24.981.775.681	18.102.085.066
Thu nhập khác	31		110.494.675	25.463.412
Chi phí khác	32		56.348	165.000.000
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		110.438.327	(139.536.588)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		25.092.214.008	17.962.548.478
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	1.900.590.825	1.405.416.085
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		23.191.623.183	16.557.132.393
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.751	1.378

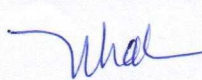
Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Trần Thị Thảo
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		25.092.214.008	17.962.548.478
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		14.367.409.366	13.267.914.659
Các khoản dự phòng	03		3.080.171.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.235.949.722)	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(410.196.253)	(191.549.731)
Chi phí lãi vay	06		687.164.383	423.488.246
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		41.580.812.782	31.462.401.652
Biến động các khoản phải thu	09		1.196.302.555	1.898.241.931
Biến động hàng tồn kho	10		(3.478.013.511)	5.731.547.491
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		9.537.790.553	(62.773.711.256)
Biến động chi phí trả trước	12		1.617.115.745	(125.691.086)
			50.454.008.124	(23.807.211.268)
Tiền lãi vay đã trả	14		(670.763.288)	(387.883.503)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.608.564.284)	(1.938.674.664)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.917.706.333)	(3.071.949.592)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.256.974.219	(29.205.719.027)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(151.621.069.667)	(1.536.704.620)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		410.196.253	191.549.731
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(151.210.873.414)	(1.345.154.889)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		258.887.361.536	183.117.230.548
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(162.636.973.397)	(158.700.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		(23.903.880.000)	(30.030.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		72.346.508.139	(5.612.769.452)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(34.607.391.056)	(36.163.643.368)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		42.021.763.845	39.359.395.230
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	6	7.414.372.789	3.195.751.862

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Trần Thị Thảo
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:

Trần Thị Chất
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; sản xuất kinh doanh cồn – rượu; kinh doanh kho bãi và vận tải hàng hóa liên tỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 123 nhân viên (1/1/2018: 122 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 64 tỷ VND. Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 18). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không tiếp tục tạo ra dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 50 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 20 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 10 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 3 – 8 năm |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 – 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 – 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do đó quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và phân phối bia. Hoạt động khác là kinh doanh dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa liên tỉnh. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	76.401.006	72.435.440
Tiền gửi ngân hàng	337.971.783	349.328.405
Các khoản tương đương tiền (*)	7.000.000.000	41.600.000.000
	<hr/>	<hr/>
	7.414.372.789	42.021.763.845
	<hr/>	<hr/>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất từ 4,1% đến 4,3% một năm (1/1/2018: 4,3% một năm).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	15.694.752.700	18.116.463.860
Ngân Hàng Phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch Bạc Liêu	3.080.171.000	3.080.171.000
Các khách hàng khác	48.729.880	80.159.800
	<hr/>	<hr/>
	18.823.653.580	21.276.794.660
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là một bên liên quan

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	15.694.752.700	18.116.463.860
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ một bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng phải thu khó đòi

	30/6/2018		Giá trị có thể thu hồi VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Ngân Hàng Phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch Bạc Liêu	3.080.171.000	(3.080.171.000)	-

Số dư dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 phản ánh giá trị dự phòng trích lập trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: Không).

9. Hàng tồn kho

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	8.860.012.273	-	10.485.693.329	-
Công cụ và dụng cụ	9.147.664.643	-	8.427.358.495	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.023.680.963	-	10.370.389.515	-
Thành phẩm	8.597.835.999	-	4.651.180.462	-
Hàng hóa	106.108.820	-	322.667.386	-
	37.735.302.698	-	34.257.289.187	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	97.216.555.847	251.938.262.472	4.759.691.318	1.464.144.149	355.378.653.786
Tăng trong kỳ	125.000.000	34.000.000	-	-	159.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.611.934.655	159.747.446.766	-	-	166.359.381.421
Số dư cuối kỳ	103.953.490.502	411.719.709.238	4.759.691.318	1.464.144.149	521.897.035.207
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	22.556.077.154	156.952.833.826	3.229.346.283	959.489.931	183.697.747.194
Khấu hao trong kỳ	2.036.185.837	11.971.302.354	237.984.570	104.040.228	14.349.512.989
Số dư cuối kỳ	24.592.262.991	168.924.136.180	3.467.330.853	1.063.530.159	198.047.260.183
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	74.660.478.693	94.985.428.646	1.530.345.035	504.654.218	171.680.906.592
Số dư cuối kỳ	79.361.227.511	242.795.573.058	1.292.360.465	400.613.990	323.849.775.024

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 2.289 triệu VND (1/1/2018: 2.273 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 241.865 triệu VND (1/1/2018: 92.942 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa trong tài sản cố định hữu hình là 895 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: Không).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	313.633.827
Tăng trong kỳ	22.882.338
Số dư cuối kỳ	336.516.165
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	138.345.852
Khấu hao trong kỳ	17.896.377
Số dư cuối kỳ	156.242.229
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	175.287.975
Số dư cuối kỳ	180.273.936

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.663.206.325	4.868.443.877
Tăng trong kỳ	164.863.698.987	857.675.129
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(166.359.381.421)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(4.324.251.643)
Số dư cuối kỳ	3.167.523.891	1.401.867.363
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Dây chuyền chiết	2.824.824.972	4.286.650.377
Các công trình khác	342.698.919	376.555.948
	3.167.523.891	4.663.206.325

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	3.614.660.174	340.493.675	5.130.168.089	9.085.321.938
Tăng trong kỳ	374.292.851	35.454.545	2.974.750.720	3.384.498.116
Phân bổ trong kỳ	(1.155.594.773)	(164.100.118)	(3.745.009.960)	(5.064.704.851)
Số dư cuối kỳ	2.833.358.252	211.848.102	4.359.908.849	7.405.115.203

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/ số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Krones Ag	30.139.164.000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Mê Kông Bạc Liêu	890.091.555	1.298.898.155
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sự kiện Tây Nam	352.298.463	1.125.124.150
Các nhà cung cấp khác	4.531.704.470	5.472.935.881
	35.913.258.488	8.735.222.214

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	-	617.388.182
Công ty TNHH MTV TM Bia Sài Gòn	-	622.772.453

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 không có đảm bảo, không chịu lãi và đã được hoàn trả trong kỳ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ VND	30/6/2018 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	37.267.853.813	163.125.158.535	(179.367.437.924)	21.025.574.424
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.672.581.437	1.900.590.825	(2.608.564.284)	964.607.978
Thuế giá trị gia tăng	4.907.959.291	31.237.353.538	(33.551.855.089)	2.593.457.740
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	14.536.458.938	(14.536.458.938)	-
Thuế thu nhập cá nhân	55.291.945	1.425.740.791	(1.406.685.101)	74.347.635
Thuế tài nguyên	48.326.320	122.473.360	(154.910.720)	15.888.960
Các loại thuế khác	10.609.480	1.393.790.615	(1.404.400.095)	-
	43.962.622.286	213.741.566.602	(233.030.312.151)	24.673.876.737

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí sử dụng vỏ chai	1.302.666.664	-
Chi phí lãi vay	157.052.258	46.027.397
Chi phí khác	508.112.572	438.211.749
	1.967.831.494	484.239.146

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Cổ tức phải trả	120.120.000	12.012.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	200.000.000	130.000.000
Phải trả khác	154.837.787	68.072.100
	474.957.787	12.210.072.100

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	Biến động trong kỳ		30/6/2018
	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/số có khả năng trả nợ VND
1/1/2018			
Giá trị ghi sổ/số có khả năng trả nợ VND			
28.000.000.000	178.800.000.000	(159.300.000.000)	47.500.000.000
-	16.684.866.985	(3.336.973.397)	13.347.893.588
	195.484.866.985	(162.636.973.397)	60.847.893.588

Vay ngắn hạn

Vay dài hạn đến hạn trả

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4

Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
VND	5,0% - 5,2%	47.500.000.000	28.000.000.000

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 có hạn mức tín dụng là 70.000 triệu VND và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 85.590 triệu VND (1/1/2018: 92.942 triệu VND) (Thuyết minh 10).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay dài hạn	76.750.388.139	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(13.347.893.588)	-
	<hr/>	
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	63.402.494.551	-
	<hr/>	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	7,5%-7,7%	2024	76.750.388.139	-
				<hr/>	

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 156.275 triệu VND (1/1/2018: Không) (Thuyết minh 10).

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	1.492.672.940	3.157.810.306
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 20)	4.454.849.735	-
Sử dụng trong kỳ	(2.917.706.333)	(3.071.949.592)
	<hr/>	
Số dư cuối kỳ	3.029.816.342	85.860.714
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	120.120.000.000	22.540.284.062	57.957.169.519	200.617.453.581
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	16.557.132.393	16.557.132.393
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(30.030.000.000)	(30.030.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	5.379.445.377	(5.379.445.377)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	120.120.000.000	27.919.729.439	39.104.856.535	187.144.585.974
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	28.206.296.411	28.206.296.411
Cổ tức	-	-	(12.012.000.000)	(12.012.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.942.902.864)	(2.942.902.864)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	120.120.000.000	27.919.729.439	52.356.250.082	200.395.979.521
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	23.191.623.183	23.191.623.183
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(12.012.000.000)	(12.012.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(4.454.849.735)	(4.454.849.735)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	120.120.000.000	27.919.729.439	59.081.023.530	207.120.752.969

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2018 và 1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	120.120.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	120.120.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 15 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức là 24.024 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017, trong đó 12.012 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2017 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 30.030 triệu VND, tương đương 2.500 VND/cổ phiếu).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/06/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	352.467.358	172.467.358
Trong vòng hai đến năm năm	1.040.866.294	839.337.989
Sau năm năm	12.293.390.830	12.374.919.134
	<hr/>	<hr/>
	13.686.724.482	13.386.724.481

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	147.993.550.065	138.286.801.297
▪ Cung cấp dịch vụ	541.094.601	509.439.381
▪ Doanh thu khác	1.657.150.319	895.557.251
	<hr/>	<hr/>
	150.191.794.985	139.691.797.929

26. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	114.215.406.811	114.164.595.309
▪ Dịch vụ đã cung cấp	167.100.624	137.445.991
▪ Giá vốn khác	22.840.955	-
	<hr/>	<hr/>
	114.405.348.390	114.302.041.300

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	410.196.253	191.549.731
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	799.545.749	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.235.949.722	-
	<hr/>	<hr/>
	2.445.691.724	191.549.731
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	687.164.383	423.488.246
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.281.294.530	40.864
	<hr/>	<hr/>
	1.968.458.913	423.529.110
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.213.025.843	2.277.957.313
Dự phòng phải thu khó đòi	3.080.171.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	838.416.693	436.759.674
Chi phí khấu hao và phân bổ	60.495.279	15.090.710
Chi phí khác	2.673.519.720	1.848.756.520
	<hr/>	<hr/>
	10.865.628.535	4.578.564.217
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	74.278.385.243	74.699.123.411
Chi phí nhân công và nhân viên	14.598.883.009	15.466.054.739
Chi phí khấu hao và phân bổ	14.367.409.366	13.267.914.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.677.165.096	9.977.699.034
Chi phí khác	8.287.395.890	8.844.857.460

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	1.900.590.825	1.405.416.085

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	25.092.214.008	17.962.548.478
Thuế theo thuế suất của Công ty	3.763.832.101	2.694.382.272
Chi phí không được khấu trừ thuế	37.349.550	116.449.897
Ưu đãi thuế	(1.900.590.826)	(1.405.416.084)
	1.900.590.825	1.405.416.085

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (2007). Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2009 đến 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ 2012 đến 2018).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	23.191.623.183	16.557.132.393
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.159.581.159)	-
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	21.032.042.024	16.557.132.393

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 2017. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 12.012.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn		
Bán hàng	147.993.798.080	138.286.801.297
Mua nguyên vật liệu	53.768.976.123	50.611.617.587
Chi phí thuê	541.576.200	1.191.467.640
Cty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sabeco		
Cung cấp dịch vụ	26.576.439	
Mua dịch vụ	2.122.745.300	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Bia - Rượu - Nước Giải Khát Việt Nam		
Mua hóa chất	50.142.000	-
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng		
Cung cấp dịch vụ	20.800.000	-
Giao dịch khác	8.712.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bình Tây		
Giao dịch khác	15.225.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua vỏ chai	351.328.320	-
Chi phí sử dụng vỏ chai	-	1.350.832.999
Chi phí trả trước	917.700.000	809.400.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua nguyên vật liệu	102.198.350	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây		
Chi phí thuê	-	19.082.183
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và thù lao	4.445.587.688	2.472.842.451

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Trần Thị Thảo
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh
Giám đốc

